TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2024/DS-PT
Ngày 23/01/2024
V/V tranh chấp
hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Văn Hiển

Các thẩm phán: Ông Bằng Công Hiệp

Ông Hoàng Quý Sửu

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lương Thị Thúy Linh, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái nguyên tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hương Liên, Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 23 tháng 01 năm 2024, tại Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 93/2023/TLPT-DS ngày 12/10/2023 về "Tranh chấp hợp đồng tài sản", do có kháng cáo của bị đơn đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2023/DS-ST ngày 24/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2023/QĐ-PT ngày 04 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị H, sinh năm 1972; địa chỉ tại thôn T, xã T, huyện K, tỉnh Thái Bình; vắng mặt – Uỷ quyền cho bà Hoàng Thúy K, sinh năm 1966; địa chỉ tại tổ B, phường P, thành phố T; có mặt.

2. Bị đơn: Chị Trần Thị H1, sinh năm 1975; địa chỉ tại tổ H, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị H1: Luật sư Nguyễn Văn T, Công ty L1 thuộc Đoàn Luận sư thành phố Hà Nội; có mặt.

3. Người làm chứng: Chị Trần Thị U, sinh năm 1980; địa chỉ tại thôn H, xã T, huyện K, tỉnh Thái Bình; vắng mặt

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị H và đại diện theo uỷ quyền của chị H thống nhất trình bày:

Chị H và chị H1 quen biết nhau qua chị Trần Thị U (chị H là em bên ngoại chị U, còn chị H1 là chị bên nội chị U). Từ khoảng tháng 9 năm 2020 được chị H1 thông tin và hướng dẫn về cách thức đầu tư tài chính trên mạng xã hội (sàn giao dịch FXT Token) và lợi nhuận từ việc đầu tư này, chị H có tham gia đầu tư và nhận được lợi nhuận (việc thao tác chuyển tiền vào tài khoản FXT chị H nhờ chị U thực hiện). Từ đó chị H và chị H1, hai người thường xuyên trao đổi cho nhau qua tin nhắn và gọi điện cho nhau qua mạng xã hội Telegram.

Khoảng tháng 12/2020 chị H1 có gọi điện cho chị H và nói cần một khoản tiền để giải quyết việc riêng và đầu tư vốn làm ăn (khoảng 90.000.000 đồng). Đồng thời chị H1 đặt vấn đề vay khoản tiền này của chị H và trả lãi theo mức lãi suất ngân hàng cho vay, thời hạn hai bên thoả thuận chị H1 trả gốc và lãi là 06 tháng kể từ ngày vay. Chị H được nghe chị U nói chị H1 là người có nhiều khả năng làm kinh tế, do đó chị H muốn tạo mối quan hệ tốt với chị H1, hy vọng được chị H1 giúp đỡ. Chị H đã đồng ý với đề nghị của chị H1 và vận động gia đình dồn tiền để cho chị H1 vay. Chị H1 đã gửi số tài khoản là 19035877421014 Ngân hàng thương mại cổ phần K1 cho chị H để chị H chuyển tiền cho chị H1 vay.

Ngày 15/12/2020 chị H đến Ngân hàng N1 - Chi nhánh B chuyển đến tài khoản trên cho chị H1 vay 94.800.000 đồng. Đến đầu tháng 01/2021 chị H1 lại gọi điện và đặt vấn đề vay thêm một khoản tiền là 213.300.000 đồng, thoả thuận mức lãi suất và thời hạn trả nợ như lần thứ nhất. Ngày 14/01/2021 chị H tiếp tục đến Ngân hàng N1 – Chi nhánh B chuyển cho chị H1 vay 213.300.000 đồng.

Lý do các khoản tiền cho vay trên đều lẻ là chị H1 có giải thích là quy đổi ra tiền Đô la Mỹ (USD). Tổng số tiền gốc chị H đã chuyển cho chị H1 vay là 308.100.000 đồng. Hết thời hạn trả nợ khoản vay lần thứ nhất (giữa tháng 6/2021) chị H gọi điện thoại cho chị H1 đòi nhưng chị H1 không nghe máy, sau đó chặn cuộc gọi của chị H, đồng thời chị H1 xoá kết nối mạng Telegram và chấm dứt liên lạc với chị H. Chị H đã trực tiếp gặp chị H1 yêu cầu chị H1 trả nợ nhưng chị H1 không đồng ý cho vào nhà, tỏ thái độ không hợp tác.

Chị H khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc chị H1 trả khoản tiền vay là 308.100.000 đồng và lãi theo quy định pháp luật. Tại phiên toà sơ thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của chị H chỉ yêu cầu chị H1 trả khoản tiền gốc là 308.100.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn chị Trần Thị H1 trình bày: Chị H1 có mối quan hệ với chị U đúng như chị H trình bày. Năm 2019 chị H có tham gia buổi Hội nghị công khai của dự án Lion Team ở Thái Bình. Sau đó chị H có gọi điện nhờ chị mua giúp và nạp vào tài khoản đầu tư FXT. Chị đã đồng ý mua hộ và nạp vào tài khoản FXT của chị U và có chụp ảnh thông báo cho chị U thường xuyên. Bản thân chị cũng là bị hại đầu tư vào dự án đó rất nhiều tiền và sau đó dự án đó bị sập tài khoản từ đó đến nay không còn. Chị không vay mượn gì của chị H. Còn việc đầu tư vào dự án đó là do chị H tự nguyện.

Ngày 15/12/2020 chị H chuyển cho chị số tiền 94.800.000 đồng để nạp tiền vào tài khoản FXT của chị U để nhờ chuyên gia đầu tư số tiền đó với lợi nhuận từ 20-22%. Sau đó chị chuyển số tiền đó cho ông Nguyễn Quốc H2 là chồng của cô Nguyễn Thanh L là cô giáo dạy tiếng Anh con gái chị để mua đồng FXT nạp vào tài khoản FXT của chị U, số tiền 94.800.000 đồng mua được 4000 FXT, tương đương 4.000USD, với giá 23.700.000đ/1.000USD. Chị xác định khi chuyển tiền không viết giấy với nhau hay có tin nhắn trao đổi trên điện thoại.

Ngày 20/12/2020 chị thêm chị H vào nhóm TITANS TEAM (nhóm đầu tư của sàn F) để theo dõi kiểm tra lợi nhuận giao dịch hàng ngày. Ngày 04/01/2021 chị H chuyển tiền lần thứ hai cho chị để đầu tư thêm vào sàn FXT số tiền 230.300.000 đồng mua được 9.000 FXT, tương đương 9.000USD, đồng thời nhờ chị tạo tài khoản riêng trong FXT mang tên chị H để chị H trực tiếp quản lý tài khoản FXT của mình. Đến ngày 25/01/2021 chị H đã đủ điều kiện xác minh tài khoản để rút lợi nhuận từ tài khoản FXT của mình là 1000 volume.

Ngày 19/02/2021 chị H nhờ chị đăng nhập vào tài khoản của chị H để rút lợi nhuận của chị H để chuyển nhờ qua tài khoản ngân hàng của chị U, là số lợi nhuận từ giao dịch của sàn FXT 1.876FXT, tương đương 1.876USD với giá trên sàn là 22.500.000đ x 1.876USD = số tiền 42.210.000đ, và trừ đi tiền ủng hộ quỹ người nghèo của nhóm Lion Team số tiền 300.000đ, được sự nhất trí của chị H, số tiền 41.910.000đ ghi rõ nội dung giao dịch chuyển tiền là "Ln của b H" có nghĩa là lợi nhuận của bà H.

Khoảng tháng 3/2021 sàn FXT nâng cấp, chuyên gia tạm thời ngừng giao dịch. Đến tháng 4, sàn FXT có giao dịch mới, chuyên gia tiếp tục giao dịch, nhưng chưa rút được lợi nhuận. Sau đó đến tháng 5 giá của đồng FXT bị giảm mạnh trên sàn Probit. Các cá nhân không giao dịch nữa vì giá của đồng FXT thấp quá nên chị H không muốn bán, cá nhân chị H không giao dịch để bán.

Chị H chuyển tiền cho chị để đầu tư vào sàn FXT và P chứ chị không vay mượn chị H bất cứ khoản tiền nào. Chị H khởi kiện yêu cầu chị trả khoản tiền gốc 308.100.000 đồng và khoản tiền lãi chị không nhất trí.

Người làm chứng chị Trần Thị U trình bày: Chị H và chị H1 đều là chị em họ của chị. Chị khẳng định chị không biết gì về thông tin chị H gửi tiền cho chị H1, chị cũng không cung cấp số tài khoản của chị H1 cho chị H.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 29/2023/DS-ST ngày 24/8/2023 Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên đã căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 144, 146, 147, 271 483 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 117, 118, 119, 463, 465, 466, 469, 357, 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị H đối với chị Trần Thị H1 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc chị Trần Thị H1 có nghĩa vụ trả cho Bùi Thị H số tiền nợ gốc là 308.100.000 đồng.

2. Về án phí: Chị Trần Thị H1 phải chịu 15.405.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch nộp ngân sách nhà nước. Hoàn trả Bùi Thị H 7.700.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp tại biên lai tạm ứng án phí số 000758 ngày 24/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm trong trường hợp chậm thi hành án và thông báo quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 31/8/2023 chị Trần Thị H1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do nhận định và phán quyết của Hội đồng xét xử sơ thẩm không khách quan vô tư; việc quyết định chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị H là trái quy định của pháp luật; xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị H1.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà có quan điểm: Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị Trần Thị H1; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà, xét kháng cáo của chị Trần Thị H1, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của chị Trần Thị H1 trong thời hạn và đúng quy định nên được chấp nhận để xem xét.

[2] Về nội dung: Khoảng cuối năm 2019, chị Bùi Thị H và chị Trần Thị H1 quen biết nhau qua chị Trần Thị U, sinh năm 1980; địa chỉ thôn H, xã T, huyện K, tỉnh Thái Bình (chị U có quan hệ họ hàng với cả chị H và chị H1).

Tài liệu hồ sơ thể hiện: Ngày 15/12/2020 chị H nộp tại Ngân hàng N1 – Chi nhánh B 94.800.000 đồng để chuyển đến tài khoản 19035877421014 của chị H1 mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần K1. Tiếp theo, ngày 14/01/2021 chị H nộp tại Ngân hàng N1 - Chi nhánh B 213.300.000 đồng để chuyển vào tài khoản trên của chị H1. Tổng cộng hai lần là 308.100.000 đồng.

Theo chị H, lý do chuyển tiền cho chị H1 là chị H1 hỏi vay tiền của chị với thời hạn là 06 tháng, lãi tính theo lãi suất Ngân hàng. Cả hai khoản tiền trên có số lẻ là do chị H1 thoả thuận quy đổi ra tiền Đô la Mỹ (USD). Hết thời hạn trả nợ khoản vay lần thứ nhất (giữa tháng 6/2021) chị H gọi điện thoại cho chị H1 để đòi tiền vay nhưng chị H1 không nghe, sau đó chặn cuộc gọi của chị H, đồng thời chị H1 đã xoá kết nối mạng Telegram và chấm dứt liên lạc với chị H. Chị H đã trực tiếp gặp chị H1 yêu cầu chị H1 trả nợ nhưng chị H1 không cho vào nhà, tỏ thái độ không hợp tác trả nợ.

Đối với chị H1 tuy thừa nhận có được chị H chuyển vào tài khoản của mình 02 lần với tổng số tiền là 308.100.000 đồng như trên, nhưng lại cho rằng chị H chuyển tiền cho chị nhờ chị mua giúp và nạp vào tài khoản đầu tư PXT.

Xét, chứng cứ của chị H1 chứng minh cho rằng hai khoản tiền nhận của chị H không phải là tiền vay chỉ là lời khai của chị H1 nhưng lời khai có nhiều mâu thuẫn như tại cấp sơ thẩm, chị H1 khai số tiền nhận của chị H, chị chuyển cho ông Nguyễn Quốc H2 là chồng cô giáo dạy tiếng Anh con gái chị để mua đồng FXT nạp vào tài khoản FXT của chị U, còn tại phiên toà phúc thẩm chị H1 khai là chuyển cho bà N ở phường Đ, thành phố T nhưng không rõ họ và địa chỉ cụ thể của người này. Còn chứng cứ tài liệu chị H1 xuất trình là Vi bằng do Văn phòng T1 lập ngày 21/4/2023 nhưng nội dung không thể hiện liên quan đến hai khoản tiền mà chị H1 đã nhận của chị H nêu trên.

[3]. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy, Toà án cấp sơ thẩm xác định chị H chuyển cho chị H1 02 lần tổng số tiền 308.100.000 đồng là khoản tiền chị

H1 vay của chị H là có căn cứ, từ đó buộc chị H1 trả chị H số tiền trên là có cơ sở, đúng quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của chị H1.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của chị H1, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên chị H1 phải chịu án phí phúc thẩm. Tiền tạm ứng án phí phúc thẩm chị H1 đã nộp được trừ vào khoản án phí mà chị H1 phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội;

1. Không chấp nhận kháng cáo của chị Trần Thị H1 và giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 29/2023/DS-ST ngày 24/8/2023 Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên.

2. Về án phí: Chị Trần Thị H1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Đối trừ số tiền 300.000 đồng chị H1 đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0000501 ngày 14/9/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

3. Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
-TAND thành phố Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- THADS thành phố Thái Nguyên;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án và Toà án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lương Văn Hiển